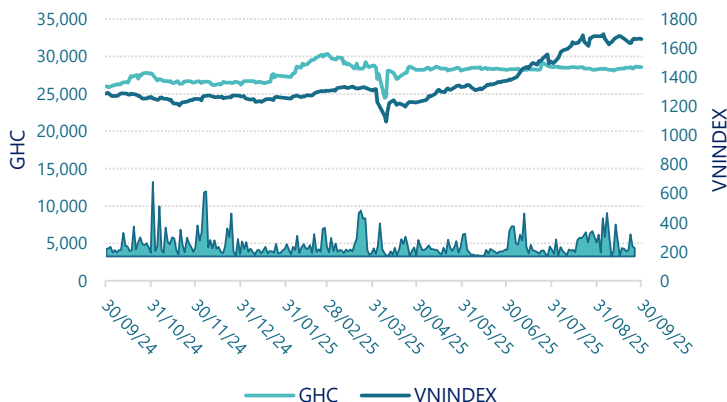


CTCP Thủy điện Gia Lai (UPCOM: GHC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	30,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,349
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	24,448
SL cổ phiếu LH	47,662,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,890
% sở hữu nước ngoài	4.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,454
P/E	7.6
EPS	4,039

DT thuần

Q3/25

91.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.6 | 22.1%

YoY: ▲ 7.40 | 8.7%

LN sau thuế

Q3/25

39.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.80 | 20.6%

YoY: ▼ 9.30 | -19.1%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

58.7%

+/- YoY: ▼ 19.3%

DT thuần

9T 2025

236

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.0 | 5.3%

LN sau thuế

9T 2025

124

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 11.0 | 9.8%

ROE

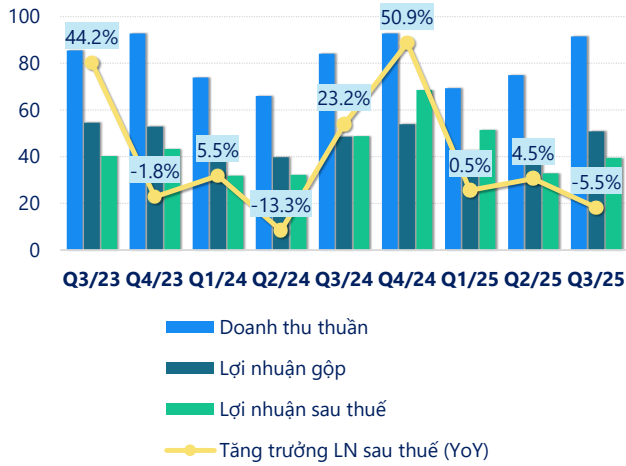
Q3/25

17.3%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

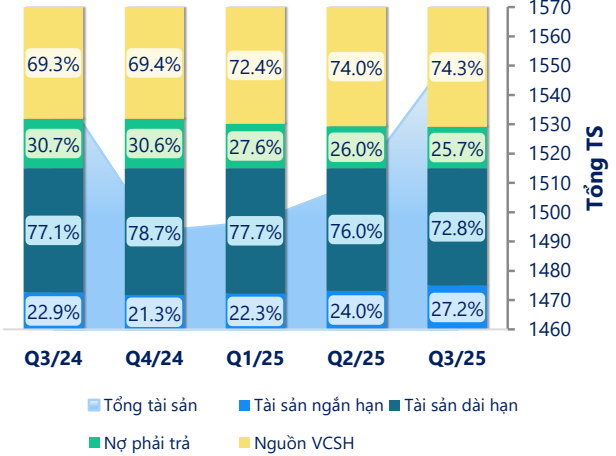
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

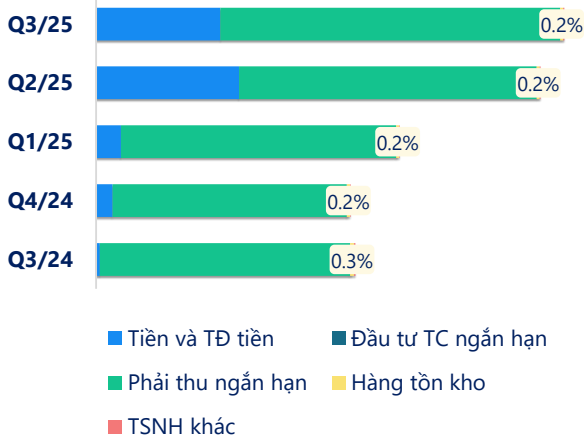
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



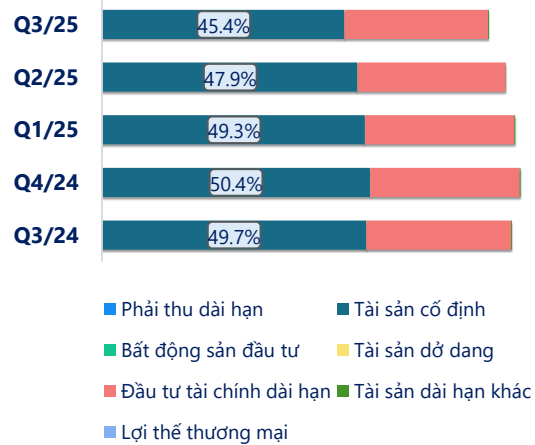
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

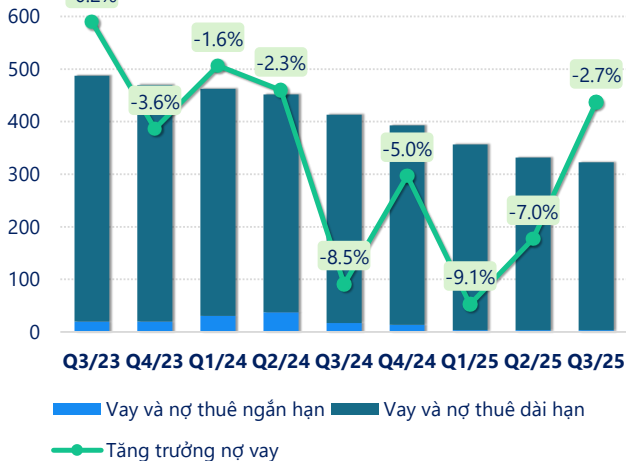
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

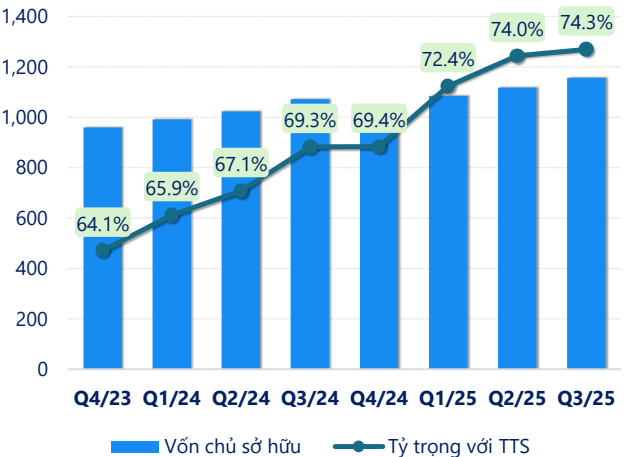
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

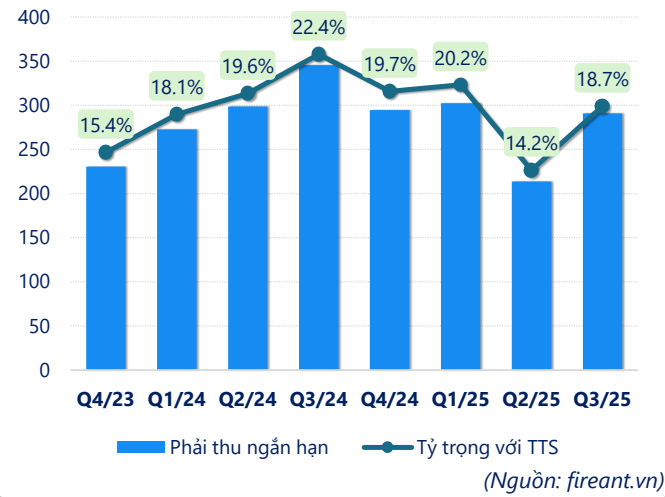
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

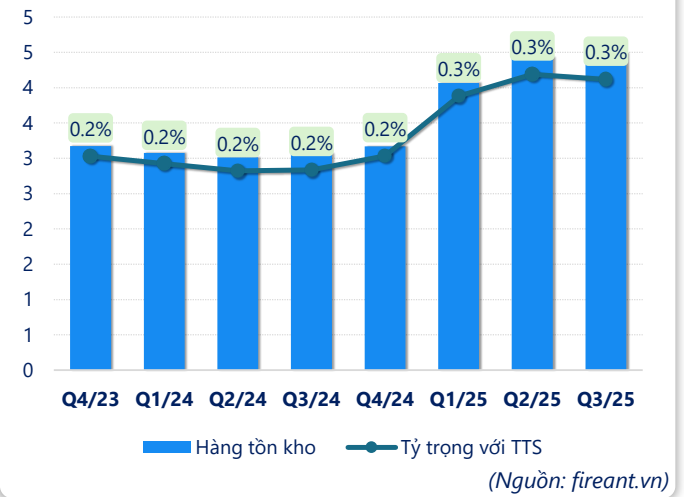


(Nguồn: fireant.vn)

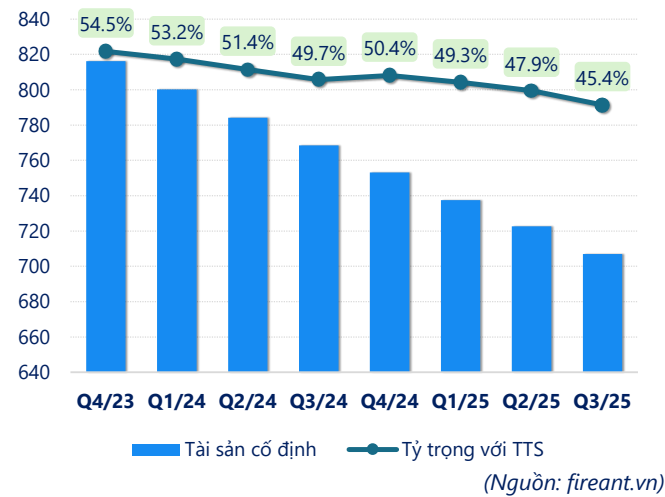
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


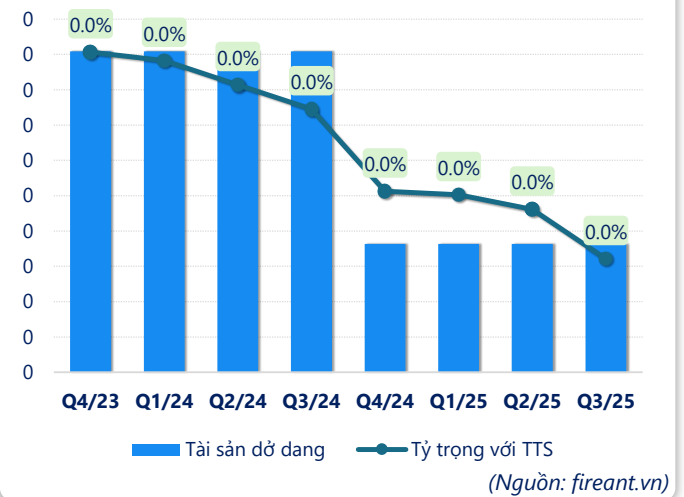
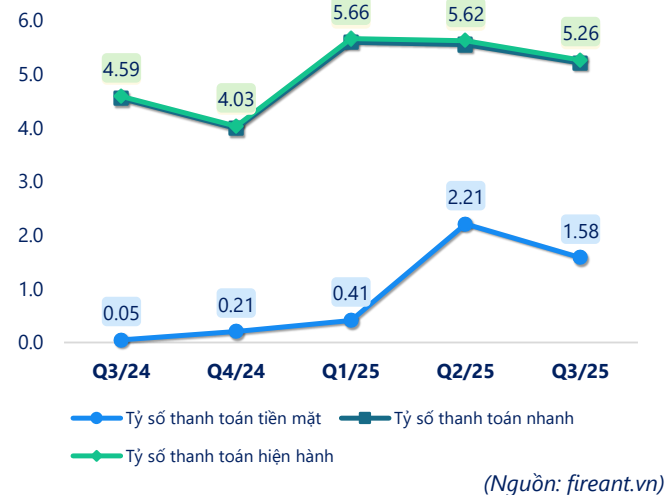
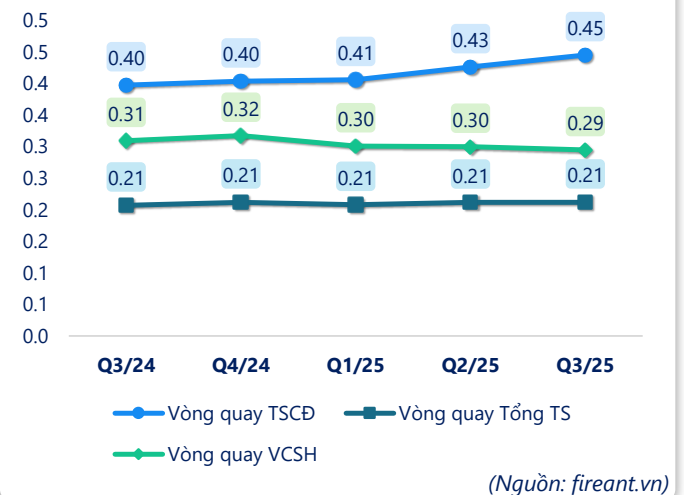
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,545	1,493	1,497	1,510	1,556
Tài sản ngắn hạn	354	318	334	362	423
Tiền và tương đương tiền	3.74	16.2	24.3	142	127
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	346	295	302	214	291
Hàng tồn kho	3.07	3.17	4.06	4.43	4.48
Tài sản ngắn hạn khác	1.36	3.48	3.15	1.89	0.90
Tài sản dài hạn	1,192	1,176	1,163	1,148	1,133
Phải thu dài hạn	0	0	3.00	3.00	3.00
Tài sản cố định	768	753	737	723	707
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.35	0.32	0.32	0.32	0.32
Đầu tư tài chính dài hạn	420	420	420	420	420
Tài sản dài hạn khác	2.74	2.34	1.95	1.61	2.58
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	474	458	412	393	400
Nợ ngắn hạn	77.1	78.8	59.0	64.4	80.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16.8	13.8	3.30	3.30	3.30
Phải trả người bán ngắn hạn	0.27	0.66	0.54	0.54	0.77
Nợ dài hạn	397	379	353	328	319
Vay và nợ thuê dài hạn	397	379	353	328	319
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,072	1,036	1,084	1,117	1,157
Vốn chủ sở hữu	1,072	1,036	1,084	1,117	1,157
Vốn điều lệ	477	477	477	477	477
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)